

# QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI MỘT XÃ MIỀN NÚI Ở QUẢNG NINH

HÀ THỊ PHƯƠNG TIẾN  
NGUYỄN HỮU NHÂN

Trong những năm qua, đặc biệt sau Đại hội Đảng lần thứ VI và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, cơ cấu kinh tế - xã hội của nông thôn nói chung, trong đó có khu vực miền núi đã có những thay đổi quan trọng. Nhiều nơi đã hình thành các vùng nông - lâm nghiệp cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu và hình thành các cụm công nghiệp góp phần quyết định chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang sản xuất hàng hoá. Nhiều mô hình kinh doanh theo hướng sản xuất hàng hoá đang góp phần quan trọng trong việc sử dụng hợp lý ruộng đất đồi rừng, phân công và sử dụng lao động, đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt. Tuy yếu tố kinh tế hàng hoá bắt đầu phát triển ở một số nơi - chủ yếu là các địa bàn xung quanh thị xã, thị trấn, dọc đường giao thông, nhưng kinh tế miền núi vẫn còn tự cấp tự túc; người dân vẫn phải lo tự túc lương thực nên tiêm năng chưa được sử dụng có hiệu quả và đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

Ở góc độ quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, tại những địa phương, các chính sách đã có ảnh hưởng khác nhau đến đời sống người dân, đặc biệt là với người phụ nữ nghèo - những người chịu nhiều thiệt thòi trong quá trình tiếp cận, quản lý nguồn tài nguyên.

Cho đến nay đã có nhiều nghiên cứu về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, trong đó tập trung vào các khía cạnh kinh tế, pháp luật..., tuy nhiên, còn ít chú ý vào khía cạnh giới. Đặc biệt, những khó khăn của người phụ nữ nông dân nghèo trong quá trình tham gia quản lý, tiếp cận kiểm

soát tài nguyên và bảo vệ môi trường chưa trở thành vấn đề quan tâm của những nhà nghiên cứu, người làm chính sách, cũng như người làm công tác phát triển.

Bài viết này sẽ phân tích việc quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường từ quan điểm giới trong phạm vi một xã - xã Đạp Thanh ở tỉnh Quảng Ninh. Tuy nghiên cứu mới thực hiện ở địa bàn hẹp nhưng chúng tôi hy vọng sẽ nêu lên được vấn đề cho các vùng có điều kiện tương tự.

## 1. Đôi nét về xã Đạp Thanh

Đạp Thanh là một xã vùng sâu của huyện Ba Chẽ, với tổng diện tích là 9.327ha, tương đương một huyện trung bình của các tỉnh đồng bằng sông Hồng. Xã có 13 thôn. Dân số của xã có 1636 người với hơn 200 hộ, gồm nhiều dân tộc như Dao, Tày, Sán Chay.

Trong số 1.736 ha đất tự nhiên của xã, chỉ có khoảng 150 ha là đất bằng, hiện đang sử dụng vào mục đích canh tác, còn lại là rừng cây gỗ, cây bụi, bãi chăn thả và đất trống, đồi núi trọc. Tại Đạp Thanh, môi trường bị huỷ hoại, đất xói mòn, địa bàn cách trở và biệt lập, không có đường giao thông từ thôn, xã đến huyện và đến các xã lân cận. Chợ còn rất thưa thớt, ít hàng hoá mua bán trao đổi. Ruộng ở đây hầu hết mới được làm một vụ, canh tác chủ yếu dựa vào nước trời. Năng suất cây trồng vật nuôi thấp. Đời sống của người dân còn khó khăn, bình quân lương thực dưới 200kg/ đầu người. Phụ nữ lao động rất cực nhọc; trẻ em thiếu ăn, suy dinh dưỡng khá nhiều. Người dân thiếu thông tin khoa học, kỹ thuật. Có thôn tới 2/3 trẻ

em không được đi học. Hoạt động vệ sinh sức khoẻ không được chú ý đến; nguồn nước sạch cho sinh hoạt không có (trừ 23 hộ gia đình ở thôn Khe Xa được dự án của Quỹ Nhi đồng Anh - SCF tài trợ). Do điều kiện sống như vậy nên nhiều hộ đã phải bỏ làng ra đi trong những năm gần đây.

## 2. Việc quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

Có rất nhiều hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung vào cách quản lý, sử dụng một số tài nguyên thiên nhiên chính của người dân có ảnh hưởng tới việc bảo vệ môi trường.

### 2.1. Giao đất giao rừng

Trên địa bàn xã Đạp Thanh, việc giao đất, giao rừng đã được tiến hành từ tháng 1 đến tháng 4/1997 theo tinh thần của Luật đất đai 1993 và Nghị định số 02/CP (1994) về giao đất nông nghiệp. Đây là điều kiện đảm bảo quyền sử dụng ruộng đất cho cá nhân và hộ gia đình nhằm ổn định lâu dài, giúp người dân yên tâm làm ăn, đầu tư vào đất rừng; tăng sự kiểm soát của Nhà nước, của các cấp với việc sử dụng đất.

Tuy nhiên trên thực tế, tình hình giao đất giao rừng ở xã Đạp Thanh có những trở ngại riêng. Trong số 9.327 ha đất đai của xã, chỉ có 150 ha đất bằng được canh tác và đất thổ cư, còn lại là đất lâm nghiệp (có khoảng 300 ha rừng nguyên sinh, 40-50 ha rừng trồng thông và sa mộc). Thời gian qua, rừng đã bị tàn phá, đất xói mòn, nguồn nước cạn kiệt nên sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Việc tổ chức giao đất lâm nghiệp cho người dân quản lý và sử dụng lâu dài, được bắt đầu bằng học nghị quyết, luật đất đai, phương pháp giao

đất lâm nghiệp, quyền lợi nghĩa vụ của người nhận đất... đã thay đổi nhận thức của người dân và thu hút sự tham gia của các hộ gia đình.

Người dân đã ý thức được tầm quan trọng và ý nghĩa, hiệu quả của việc giao đất lâm nghiệp. Trước khi học tập, có một số hộ không muốn nhận đất lâm nghiệp vì sợ bị đánh thuế sử dụng và sợ không biết làm gì ở đất ấy để phát triển kinh tế, nhưng sau khi tập huấn và đã được phổ biến đã có 135/140 hộ gia đình nhận đất rừng với diện tích 1.188 ha. Đối với đất trống, đồi trọc mỗi hộ được nhận theo nguyện vọng của mình. Rừng thứ cấp có thể nhận theo hộ gia đình, tùy khả năng, hoặc nhận theo nhóm hộ (anh, em, họ hàng láng giềng) để khoanh nuôi. Với rừng già, người dân được nhận theo nhóm hộ gia đình để cùng nhau bảo vệ. Đất đồng cỏ và rừng có nguồn nước do xã quản lý.

Việc giao đất được căn cứ vào số đất của gia đình từ xưa và đơn xin giao đất, trong đó, mỗi hộ không được quá 15 ha và đất giao được cắt theo *giông* đồi. Để tiến hành giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, ban chỉ đạo giao đất của xã được thành lập cuối tháng 1/1997 do Ủy ban nhân dân xã đề xuất và Ủy ban nhân dân huyện chuẩn y. Ban này gồm có Bí thư Đảng ủy xã, Phó chủ tịch xã, cán bộ địa chính xã và các trưởng thôn. Các hoạt động của ban có sự phối hợp với cán bộ dự án của huyện, các chuyên gia của đoàn khảo sát Xí nghiệp Thiết kế lâm nghiệp, Sở Nông lâm Quảng Ninh. Cuối tháng 3/1997, Xí nghiệp thiết kế đã hoàn thành bản đồ giao đất của bốn thôn. Mỗi thôn có một quyển sổ bì xanh và một bản đồ tỉ lệ 1/5000. Hiện nay các gia đình chưa được nhận sổ giao đất lâm nghiệp, và việc phân chia ranh giới giữa các thôn chưa được cắm

mốc cố định. Các mốc cắm còn tạm thời, không đảm bảo độ bền vững.

Người dân được tham gia ngay từ đầu trong quá trình giao đất lâm nghiệp (họp, thảo luận phương án, cách thức chia) nên đã hạn chế được nhiều tình huống xấu xảy ra. Tuy nhiên cũng có một số vấn đề cần được xem xét để tiếp tục giải quyết. Đó là những vấn đề thuộc góc độ giới và quản lý như sau:

- Hầu hết phụ nữ không nắm được thông tin về giao đất giao rừng. Có thôn như Khe Mầu còn không phát đơn cho người dân có nhu cầu nhận đất.

- Ban chỉ đạo giao đất không có phụ nữ tham gia.

- Trách nhiệm của địa phương chưa rõ sau quá trình giao đất giao rừng, đặc biệt là việc xây dựng mô hình quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, trong đó chưa làm rõ vai trò của kiểm lâm, địa chính, khuyến nông - khuyến lâm ở cấp cơ sở, cũng như việc phối hợp giữa các ban ngành có liên quan tới giải quyết các vấn đề về quy hoạch, phát triển, khai thác sử dụng tài nguyên rừng.

- Thiếu những quy định của xã, thôn và hộ gia đình về quản lý và sử dụng rừng; đặc biệt là quy hoạch sử dụng, bảo vệ cây cối (quế, trầm) của hộ gia đình đã trồng trên đất cũ, nay thuộc về chủ mới để tránh tình trạng tranh chấp trong 5-7 năm tới.

Hầu hết các hộ trong xã, sau khi nhận rừng đều chưa có phương án sử dụng lâu dài và bền vững; thậm chí có hộ còn không quan tâm đến khu đất được giao. Nhiều hộ khi phỏng vấn không biết mình có bao nhiêu đất (dù chỉ là con số ước lệ), nhất là phụ nữ - vì các chị hầu như không tham gia họp cộng đồng. Bởi vậy, cần nâng cao dân trí trong việc sử dụng đất nông

NGHIỆP, KẾT HỢP GIỮA TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC VỚI XÂY DỰNG MÔ HÌNH NÔNG - LÂM NGHIỆP. VIỆC TẠO RA MÔ HÌNH LÀ CẦN THIẾT VÌ TỪ NHIỀU NĂM NAY CHƯA CÓ HỘ GIÀU NỔ TRỘI, CHƯA CÓ MÔ HÌNH NÀO LÀM TỐT, NÊN CHƯA TẠO ĐƯỢC ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY NGƯỜI DÂN VƯỢT LÊN VÀ HỌC TẬP NHAU.

Việc chia đất theo khu vực địa lý (căn cứ vào *giông* đồi) tuy thuận lợi cho khoanh vùng bảo vệ và dễ dàng đo đạc, xác định vị trí đất của từng hộ nhưng nếu Ban chỉ đạo giao đất chú ý đến những hộ thuộc diện chính sách, hộ có những khó khăn cần ưu tiên (thiếu lao động, neo đơn, phụ nữ hoàn cảnh đặc biệt) để tạo điều kiện giúp đỡ họ, thì việc giao đất sẽ có ý nghĩa và hiệu quả hơn và có tính cộng đồng hơn trong việc tiếp cận và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Bởi chính những hộ đó rất ít khả năng đầu tư vào đất rừng, nhất là rừng ở xa. Họ càng không có điều kiện để làm và sử dụng loại đất ấy nếu như không tạo cơ hội tốt cho họ.

Việc quản lý rừng sẽ tốt hơn và công bằng hơn nếu có sự quy hoạch về đất rừng các loại để khoanh nuôi, bảo vệ.

## 2.2. Canh tác trên đất dốc theo mô hình làm vườn đồi

Đạp Thanh đã có thành công bước đầu trong vận động người dân làm vườn đồi. Đó là một trong những kết quả của giao đất giao rừng và sẽ góp phần đảm bảo tính bền vững trong bảo vệ môi trường.

Hoạt động làm vườn đồi được tiến hành trong một số thôn của xã, như thôn Khe Xa (khoảng 3,7 ha), Khe Mầu (15 ha) và Bắc Xa. Được sự giúp đỡ của tổ chức SCF, việc làm vườn đồi được thực hiện vào cuối năm 1996 và đầu năm 1997 đã bước đầu nâng cao nhận thức của người dân về môi trường, về kỹ thuật sử dụng và làm giàu đất đồi theo mô hình mới. Hoạt động này

khác hẳn tập quán canh tác của người dân vốn chỉ biết khai thác theo kiểu “bóc lột” đất đai, góp phần ổn định cuộc sống của người dân, giúp họ định canh định cư, hạn chế việc đốt nương phá rừng. Tuy chưa có kết quả kinh tế rõ rệt, nhưng khi quan sát vườn đồi của họ, chúng tôi thấy có những băng phân xanh hình chữ A, giống sắn mới, vừng, lúa được trồng xen, vì thế, đất được màu mỡ và ít xói mòn hơn. Một số hộ đã tự đào hố trồng cây ăn quả, số khác chờ sự giúp đỡ của chương trình PAM và SCF để làm vườn đồi.

Đa số các hộ làm vườn đồi có mức sống khá và trung bình, hầu như không có hộ nghèo tham gia. Phần lớn hộ nghèo và một số hộ trung bình phải tập trung vào vấn đề lương thực để giải quyết nhu cầu trước mắt. Hơn nữa, người dân không có vốn để đầu tư cây ăn quả, giống mới để trồng xen và nếu không có bộ máy quản lý ở địa phương đứng ra làm công tác dịch vụ thì dân không thể tự tìm thị trường được.

Trong quá trình hoạt động theo phương thức mới này, nhiều bà con chưa áp dụng đúng kỹ thuật (gieo thưa, không đúng quy cách...) nên khả năng chống xói mòn còn kém, đặc biệt là ít phụ nữ được tham gia tập huấn so với nam giới trong khi chính họ lại là người trực tiếp làm vườn đồi. Bên cạnh đó, còn nhiều vấn đề cần đặt ra như bảo vệ mùa màng khỏi sự phá hoại của gia súc thả rông, thu hoạch sản phẩm trong điều kiện diện tích gia tăng và tiêu thụ sản phẩm...

### 2.3. Bảo vệ nguồn nước và rừng đầu nguồn

Bảo vệ rừng đầu nguồn nhằm duy trì nguồn nước cho các suối lớn trong xã để lấy nước sinh hoạt và sản xuất là việc làm quan trọng của người dân Đập Thanh. Trong những năm trước đây, xã Đập

Thanh không chăm lo trồng cây ở rừn đầu nguồn. Nạn tàn phá rừng, nhất “chiến dịch” lấy gỗ lim trong những năm 1991-1993 đã làm nguồn nước suy giảm. Khi có chương trình nước sạch (1997), đã nước từ suối qua các bể lọc về tận nh người dân đã có ý thức rõ rệt về bảo v nguồn nước. Sau các cuộc họp cộng đồn bà con đã quyết định trồng rừng đầ nguồn bằng cây keo tai tượng, và trồn trám, lát, quế ở các khu rừng trống ha đồi trọc.

Để thực hiện kế hoạch trên, vườn ươm cây giống của tập thể đã được thành lập. Mỗi gia đình đều tham gia vào làm vườn ươm này, với diện tích 3 m<sup>2</sup> và đóng góp ngày công để làm đất, đóng bầu, tra hạt chăm sóc. Trung bình mỗi đợt gieo giống người dân làm được từ 20-30.000 bầu, có thể phủ kín 5,5 ha. Tỷ lệ cây trồng sống từ 50 - 70%. Phụ nữ đảm nhận hầu hết công việc chăm sóc, bảo vệ. ...

Sau khi trồng xong, cây được giao cho một số hộ gia đình quản lý. Theo ý kiến của người dân, việc này là hợp lý, vì nhiều người ít có điều kiện chăm nom hàng ngày. Tuy nhiên trong tương lai, nếu rừng được khai thác thì lợi ích lại thuộc của tất cả những người đã góp công trồng rừng, vì việc sử dụng tài nguyên này sẽ phải dựa trên bàn bạc cụ thể.

Việc sử dụng đất rừng và quản lý rừng trong thời gian gần đây có sự biến đổi khá rõ nét so với thời gian trước năm 1980. Đây là giai đoạn Nhà nước quản lý, nắm giữ đất đai, không giao quyền sử dụng cho người dân. Người dân đã khai thác gỗ theo cách bữa bãi để thực hiện kế sinh nhai của họ. Ở giai đoạn này đồi trọc chiếm tỉ lệ cao. Theo nhận định của người dân thì từ năm 1993 đến nay rừng lim không còn nữa.

Mấy năm gần đây, họ đã bắt đầu có ý thức trách nhiệm trong việc bảo quản và tự kiểm soát rừng của mình, giữ được rừng già ở mức 8%, là cơ sở đảm bảo cho việc giữ nguồn nước. Họ biết đầu tư vào cây quế, sa mộc, cây ăn quả trên đất trống, đồi núi trọc và trên vùng rừng tái sinh.

Nhờ việc giữ rừng đầu nguồn, nên nguồn nước tương đối ổn định. Từ năm 1995 trở lại đây, người dân đã biết tận dụng nguồn nước để thâm canh tăng vụ (1/3 đất canh tác được làm hai vụ). Trong tương lai, diện tích canh tác hai vụ có thể tăng thêm do nguồn nước ngày một nhiều hơn.

#### 2.4. Chăn nuôi với vấn đề bảo vệ môi trường

Ở Đạp Thanh, chăn nuôi còn kém phát triển. Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu để sử dụng vào dịp tết lễ mà chưa có điều kiện cải thiện hàng ngày. Tuy nhiên cũng có một số gia đình đang chú ý đầu tư để phát triển đàn lợn, đàn trâu bò (đầu tư chuồng trại, giống mới, thức ăn, phòng dịch...). Đàn trâu bò của xã hiện nay có khoảng 80 con, và trong những năm tới có khả năng có trên 200 con. Tiềm năng đồng cỏ của xã khá lớn (ở Bắc Cáp và Đồng Dầm, mỗi nơi có vài trăm ha), có thể phát triển chăn nuôi bò thịt rất thuận lợi. Đây cũng là thế mạnh của Đạp Thanh so với các xã khác trong huyện về tài nguyên thiên nhiên.

Nuôi lợn thả rông là tập quán của nhiều dân tộc thiểu số ở đây. Ở thôn Khe Xa, có đến 40% số hộ nuôi lợn không có chuồng; số hộ còn lại thì chỉ có chuồng tạm bợ. Điều kiện chăn nuôi như vậy đã làm mất vệ sinh đường làng, ngõ xóm, gây ô nhiễm nguồn nước; là nguồn gốc gây ra nhiều dịch bệnh. Trong điều kiện thả rông, lợn còi cọc không lớn và mùa màng bị lợn phá hoại, nguồn phân bón bị mất. Năm

1997, phong trào làm chuồng lợn được triển khai trong xã. Phong trào này có tác dụng tích cực đến việc bảo vệ môi trường trong sạch, bảo vệ hoa màu và có thêm phân để thâm canh cây trồng.

Tuy nhiên chưa phải tất cả các hộ đều đã nhận thức được điều này, nên vẫn có 20 % số hộ chưa có chuồng lợn. Đặc biệt là các hộ nghèo, do không đủ điều kiện để xây nền chuồng, hoặc không cung cấp đủ thức ăn cho lợn nên khi lợn đói họ lại thả rông. Có một số gia đình có chuồng lợn song chuồng rất hẹp, hố phân nhỏ nên nước phân chảy lênh láng quanh khu vực nhà ở và gần nguồn nước sinh hoạt.

Ở các hộ có trâu bò, tình hình cũng tương tự: rất ít hộ có chuồng trại và thường trâu bò được giữ dưới gầm sàn, hoặc gần nhà. Khi được mang đi chăn thả, chúng thường lội qua suối rồi phóng ứ luôn xuống đó. Đây cũng là nguy cơ gây ô nhiễm môi trường khi chăn nuôi ngày càng phát triển. Điều này được nhiều phụ nữ nói tới trong các buổi thảo luận nhóm.

Việc thả rông gia súc, gia cầm còn phá hoại nhiều cây trồng. Mặc dù văn bản của xã quy định mức phạt 5000đ/ 1 cây măng bị phá, chủ gia súc phải đền bù 100% cho hoa màu của người bị gia súc phá hoại, nhưng cả năm xã cũng chỉ bắt và phạt được vài vụ vi phạm, trong khi rừng mới trồng bị phá đến 30-40%.

### 3. Một số yếu tố cơ bản tác động đến vấn đề quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

#### 3.1. Phân công lao động trong gia đình

Trong gia đình ở Đạp Thanh, người cha, người chồng thường có vai trò quyết định. Những hoạt động xã hội, công việc lớn hoặc nặng nhọc như làm nhà, vào rừng lấy gỗ, cày bừa, trồng cây ăn quả lâu năm,

trồng vườn đồi... thường do nam giới đảm nhiệm. Phụ nữ chủ yếu đảm nhận phần chăm sóc rừng trồng, một số khâu trong sản xuất nông nghiệp, nội trợ, chăm nom con cái... Tuy nhiên trong các gia đình có chồng đau yếu, chồng làm cán bộ thì dường như phụ nữ phải làm tất cả mọi việc. Phụ nữ làm việc một ngày tới 14-16 giờ, khiến họ không có thời gian nghỉ ngơi và cho các hoạt động xã hội khác. Điều đó ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ và khả năng tiếp nhận thông tin, văn hóa, giáo dục của họ.

Phỏng vấn của chúng tôi cho thấy, phụ nữ không tham gia vào các lớp tập huấn làm vườn đồi (theo mô hình SALT), mà họ chỉ làm theo chỉ dẫn của chồng hoặc hàng xóm. Với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thâm canh tăng vụ, cải tạo đất, dường như họ chỉ được nghe đài loáng thoáng và được nghe phổ biến lại của chồng, con mà ít nắm được nội dung cơ bản. Ngay cả việc trồng cây ăn quả, trồng rừng, phụ nữ cũng tham gia, song kỹ thuật đào hố cho từng loại cây thì họ cũng chỉ biết làm một cách áng chừng, thậm chí làm sai kỹ thuật chăm sóc. Chẳng hạn, muốn trồng quế phải tạo bóng che cho gốc, nhưng nhiều phụ nữ đã dọn sạch cỏ ở xung quanh gốc nên quế bị chết hàng loạt.

Do nam giới có điều kiện giao tiếp, dễ tiếp thu cái mới nên khiến chị em thường thiếu tự tin trong việc mở mang các hoạt động kinh tế và ra quyết định. Phụ nữ cho rằng bảo vệ rừng cần phải được chấn chỉnh và có luật lệ nghiêm khắc. Họ đưa ra nhiều ý kiến đóng góp rất tốt cho việc này, bởi lẽ, họ có tới 2/3 thời gian làm việc ở đồi và rừng. Tuy nhiên, họ lại dường như đứng ngoài việc quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường bởi không được tham gia, bàn bạc vấn đề này....

### 3.2. Đời sống văn hóa tinh thần

Đây là vấn đề được bà con thảo luận rất sôi nổi. Hầu hết các ý kiến cho rằng thiếu thốn đời sống tinh thần là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự đói nghèo và tàn phá cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên.

Đa số phụ nữ trong xã không biết chữ chỉ nói được tiếng Kinh do tiếp xúc nhiều. Chỉ có số ít phụ nữ trẻ được học hành nhưng cũng mới đến lớp 2-3. Đây là một trong những lý do khiến nhiều cuộc họp trong thôn, bản cũng như các lớp tập huấn hầu hết đều là nam giới. Mặt khác, vì phụ nữ bận việc, có con nhỏ và quan niệm rằng việc họp hành do chủ hộ (nam giới) đảm nhận cũng khiến họ ít tham gia. Đó là một trở ngại lớn đối với phụ nữ nói riêng và với cộng đồng nói chung trong việc thực hiện mọi kế hoạch phát triển cũng như quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Trong các thôn cũng có lớp xóa mù chữ song đa phần số học viên chỉ học được một hai tuần lễ đầu, sau đó giảm dần, rồi các lớp học phải bỏ dở dang. Các phương tiện thông tin, truyền thông còn rất hạn chế ở nông thôn. Mỗi thôn chỉ có 1-2 chiếc ti vi của các hộ kinh tế khá giả. Điều này ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận và nắm bắt các thông tin khoa học, kiến thức của người dân trong sản xuất.

Đạp Thanh chưa có ban văn hoá xã trong khi hoạt động này lại rất cần thiết cho vùng sâu, vùng xa – nơi có đời sống dân trí thấp. Tổ chức giáo dục yếu kém đã ảnh hưởng lớn đến cuộc sống lao động sinh hoạt của họ, trong bối cảnh hệ sinh thái đang ngày càng có xu thế mất cân bằng, thiếu tính bền vững.

Một số phong tục tập quán ở đây còn rất nặng nề, nhất là trong cưới xin và tang ma. Khi thảo luận, nam nữ thanh niên

cho rằng, tập quán cưới xin đã gây nên sự lãng phí và là một trong những nguyên nhân làm gia đình nghèo khổ, không hạnh phúc. Ví dụ, có một đám cưới trong xã, nhà trai phải mang sang nhà gái lễ vật gồm: 1 tạ thịt lợn, 40 lít rượu, 60 kg gạo, 12 con gà, 10 mét vải, 2 chiếc khăn, 5 chiếc vòng tay và 1,5 triệu đồng. Tệ nạn ma chay cũng tương tự. Nhiều gia đình sau các đám tang phải trả nợ dai dẳng trong nhiều năm khiến kinh tế không thể phát triển được. Điều đó còn khiến họ không có điều kiện để trồng rừng mà chỉ khai thác cạn kiệt nguồn rừng bằng cách chặt cây, mở rộng nương rẫy và săn bắn động vật.

### 3.3. Chính sách và việc thực hiện chính sách giao đất giao rừng ở địa phương

Việc giao đất rừng đã hoàn thành ở xã Đạp Thanh, mặc dù hiện nay các hộ gia đình chưa nhận được sổ đỏ. Về cơ bản, chính sách giao đất giao rừng đem lại lợi ích cho người dân trong quản lý và sử dụng đất đai lâu dài, để họ có thể yên tâm đầu tư vào sản xuất. Tuy nhiên, việc giao đất cũng bộc lộ một số hạn chế: phụ nữ ít đứng tên trong sổ đỏ. Nếu lấy chồng khác thôn, họ coi như bị mất đất và hoàn toàn phụ thuộc vào gia đình nhà chồng về đất đai. Nếu nhà chồng không có rừng để cho và cặp vợ chồng chỉ có một suất đất nông nghiệp (1,5 sào), họ càng gặp khó khăn hơn. Theo Luật đất đai, phải sau 50 năm với đất rừng và 20 năm đối với đất nông nghiệp, họ mới được chia lại đất. Trong khi đó, những hộ có nhiều đất vì có người mất đi hay di chuyển, nhưng số đất này vẫn được giữ nguyên....

Các hộ gia đình thiếu đất sẽ ít có điều kiện tiếp cận với đất đai và quyền quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Điều đó càng đẩy họ khai thác rừng trái phép. Vì

thế, họ mong muốn sớm có sự điều chỉnh đất nông nghiệp và đất rừng từ quỹ đất của địa phương (8-10%) để được phát triển lâm nghiệp. Đây cũng là vấn đề quan trọng để ổn định xã hội ở Đạp Thanh.

Đối với việc triển khai thực hiện các chính sách, ở cấp huyện và xã thường chỉ chú trọng tính pháp lý. Chẳng hạn, với tình trạng phá rừng, đa phần kiểm lâm chỉ xử lý sự việc khi đã xảy ra mà ít có các biện pháp, chủ trương khác nhằm khuyến khích người dân thực hiện tốt hoặc ngăn chặn trước....

Xã cũng chưa có biện pháp để đẩy mạnh công tác khuyến nông – khuyến lâm nhằm huy động nguồn lực của địa phương. Nếu công tác này phát triển sẽ góp phần to lớn trong việc làm đa dạng vật nuôi, cây trồng, giúp cho việc quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên được tốt hơn.

### 4. Kết luận và kiến nghị

Các chính sách của Nhà nước, đặc biệt là chính sách giao đất giao rừng đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường ở nông thôn nói chung và xã Đạp Thanh nói riêng. Tuy nhiên, không phải ở đâu cũng phát huy được mặt tích cực đó. Quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường mang tính tổng hợp, có quan hệ mật thiết với các yếu tố kinh tế – xã hội, vì vậy cần phối hợp đồng bộ với phát triển kinh tế, thực hiện dân số kế hoạch hoá gia đình và phát triển giáo dục....

Tại xã Đạp Thanh, mặc dù người phụ nữ tham gia vào hầu hết các khâu trong quá trình sử dụng tài nguyên, song trong bộ máy lãnh đạo và cơ cấu ban ngành đều thiếu sự tham gia của họ. Đó là sự thiệt thòi cho số đông lao động nữ trong việc ra

quyết định, bảo vệ quyền lợi cũng như trách nhiệm của họ.

Ở một địa phương như Đạp Thanh, nơi điều kiện tự nhiên không mấy thuận lợi và các hộ gia đình phải đương đầu với nhiều khó khăn, để quản lý, sử dụng tốt nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường, chính quyền và các tổ chức đoàn thể nên chú ý tới các vấn đề sau đây:

- Với các hộ nghèo: cần chú ý tăng cường sản xuất lương thực bằng cách thâm canh tăng vụ trên cơ sở áp dụng những tiến bộ kỹ thuật, kết hợp sản xuất nông- lâm trên nương rẫy để ổn định sản xuất, bảo vệ đất đai, môi trường. Tạo điều kiện cho họ vay vốn và tập huấn kỹ thuật để giúp họ trồng cây công nghiệp lâu năm và phát triển chăn nuôi.

- Với các hộ khá: tăng cường thâm canh và phát triển các loại cây công nghiệp, lâm nghiệp lâu năm có giá trị hàng hoá cao, tăng sản lượng lương thực và chăn nuôi. Cần đầu tư vốn cho họ và hướng dẫn kỹ thuật thâm canh tiên tiến phù hợp với điều kiện đất đai.

- Cần nhanh chóng hoàn chỉnh sổ giao rừng và điều chỉnh đất đai, đặc biệt là đất rừng cho các đối tượng ít đất và không có đất.

- Cần tổ chức lại đội bảo vệ rừng và tổ chức khuyến nông, khuyến lâm để hoạt động có hiệu quả. Khi cho vay vốn, phải có hướng dẫn kỹ thuật sản xuất.

- Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức cho người dân để họ biết kết hợp lợi ích trước mắt với việc bảo vệ nguồn tài nguyên. Đây là nền tảng vững chắc để phát triển môi trường một cách bền vững.

- Cần xây dựng một kế hoạch tổng thể về qui hoạch và phát triển vùng nông, lâm nghiệp cộng đồng. Đây là vấn đề vừa có tính cấp bách, vừa lâu dài và có ảnh hưởng sâu sắc đến người dân, đặc biệt là với phụ nữ và trẻ em.

### Tài liệu tham khảo

1. *Chương trình Quản lý tài nguyên thiên nhiên và hoạt động của SCF (Quỹ cứu trợ Nhi đồng Anh) trong giai đoạn 1997-2000*, Báo cáo của SCF, 2000.
2. Hà Thị Phương Tiến, Hoài Hưng, Tiên Dung. *An Evaluation of the Ba Che Nature Resource Management Program*. Ba che District, Quang Ninh Province, SCF, 1997.
3. Hà Thị Phương Tiến. *Phụ nữ với quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường*. Tạp chí Khoa học về Gia đình và Phụ nữ, số 5 (54-2002)
4. Leo Bregman. *Điều tra và lập kế hoạch quản lý và sử dụng tài nguyên thôn Khe Xa- Ba Chẽ, Quảng Ninh*. SCF, 1998.
5. Lê Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Mỹ Lộc. *Xã hội học về giới và phát triển*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
6. Hà Thị Phương Tiến. *Giới trong việc xây dựng qui ước bảo vệ và phát triển rừng, lập kế hoạch quản lý rừng cấp bản và trong hoạt động khai thác rừng của dự án phát triển lâm nghiệp xã hội Sông Đà*. GTZ. 3/2001
7. Hà Thị Phương Tiến. *Evaluation report Ngoc Lac natural resource management and conservation project*. Care International in Vietnam, 3/1998.
8. Phạm Xuân Nam. *Quản lý sự phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2001.
9. Lê Thị. *Phụ nữ và bình đẳng giới trong đổi mới ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Phụ nữ, 1998.